

Bản án số: 140/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 11-5-2026
“V/v ly hôn, yêu cầu nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Danh Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc
- Ông Lý Tấn Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

Ngày 11 tháng 5 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 631/2026/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2026 về việc “ly hôn, yêu cầu nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/4/2026 giữa:

* Nguyên đơn: bà Mai Thị Hồng G, sinh ngày 15/7/1985 (có mặt)

Địa chỉ: ấp V, xã V, tỉnh A

* Bị đơn: ông Nguyễn Phước C, sinh ngày 19/9/1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp V, xã V, tỉnh A

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn đề ngày 03/2/2026 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Mai Thị Hồng G trình bày:

Năm 2012 bà G và ông Nguyễn Phước C tự quen biết, tìm hiểu nhau được khoảng một thời gian ngắn thì hai người tự nguyện kết hôn với nhau, được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2013 và ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh K theo Giấy chứng nhận kết hôn số 34 quyển số 01 ngày 18/4/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cãi nhau vì bất đồng quan điểm sống làm cho vợ chồng ngày càng căng thẳng, không còn tình cảm với nhau nên bà quyết định ly hôn với ông C.

Quá trình sống chung với ông C, bà và ông C có hai người con chung tên Nguyễn Thị Kiều V, sinh ngày 12/02/2010 và Nguyễn Tấn L, sinh ngày 30/4/2018. Về tài sản chung và nợ chung bà G xác định là vợ chồng không có tài sản chung và cũng không có nợ chung.

Tại phiên tòa, bà Mai Thị Hồng G yêu cầu về hôn nhân cho bà G được ly hôn với ông Nguyễn Văn C1. Về con chung bà G yêu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai người con chung tên Nguyễn Thị Kiều V, sinh ngày 12/02/2010 và Nguyễn Tấn L, sinh ngày 30/4/2018. Bà G không yêu cầu ông C1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung bà G xác định là vợ chồng không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, bà G không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

* Tại bản tự khai cũng như tại phiên hòa giải ngày 08/4/2026 bị đơn ông Nguyễn Phước C trình bày:

Ông C thống nhất với lời trình bày của bà G về ngày tháng năm kết hôn, về con chung, tài sản chung, nợ chung cũng như mâu thuẫn vợ chồng. Ông C cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không lớn nên ông C muốn vợ chồng đoàn tụ.

Ông Nguyễn Phước C có nguyện vọng về hôn nhân ông không đồng ý ly hôn với bà Mai Thị Hồng G vì ông còn thương vợ thương con nên muốn vợ chồng đoàn tụ. Nếu bà G cương quyết ly hôn thì về con ông C yêu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con tên Nguyễn Tấn L, sinh ngày 30/4/2018 và ông đồng ý giao con Nguyễn Thị Kiều V, sinh ngày 12/02/2010 cho bà G nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông và bà G không ai cấp dưỡng cho ai. Còn tài sản chung và nợ chung ông C xác định không có nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Mai Thị Hồng G và ông Nguyễn Phước C là tranh chấp về “ly hôn, yêu cầu nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang theo quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Phước C là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: bà Mai Thị Hồng G xác lập quan hệ hôn nhân với ông Nguyễn Phước C vào năm 2013, hôn nhân tự nguyện, ông bà có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh K theo Giấy chứng nhận kết hôn số 34 quyển sổ 01 ngày 18/4/2013, cho nên theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 sửa đổi, bổ sung năm 2010 thì hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà G là bà có nguyện vọng được ly hôn với ông C lý do vợ chồng thường xuyên cãi nhau vì bất đồng quan điểm sống làm cho vợ chồng ngày càng căng thẳng, bà G thấy hôn nhân của bà không thể hàn gắn lại được nữa vì bà đã không còn tình cảm với ông C nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C. Còn ông C thì không đồng ý ly hôn và ông yêu cầu vợ chồng đoàn tụ vì ông còn thương vợ thương con. Tòa án đã tiến hành hòa giải động viên nhằm cho hai bên hàn gắn lại hôn nhân thể hiện tại Phiên hòa giải đề ngày 08 tháng 4 năm 2026 nhưng sau ngày Tòa án tiến hành hòa giải đến nay bà G và ông C cũng ít gặp nhau và không thể nói chuyện được với nhau như trước. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc hòa giải động viên vợ chồng ông bà hàn gắn lại vẫn không có kết quả. Hơn nữa, tại phiên tòa, bà G vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với ông C vì bà cho rằng bà không còn tình cảm yêu thương dành cho ông C. Xét thấy hôn nhân của ông, bà đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà G.

[2.3] Về con chung: bà G, ông C đều khai có hai người con chung tên Nguyễn Thị Kiều V, sinh ngày 12/02/2010 và Nguyễn Tấn L, sinh ngày 30/4/2018. Xét bà G, ông C đều có nguyện vọng nuôi con. Tuy nhiên, hai con Nguyễn Thị Kiều V và Nguyễn Tấn L đều có nguyện vọng muốn sống với mẹ nên Hội đồng xét xử giao Nguyễn Thị Kiều V, sinh ngày 12/02/2010 và Nguyễn Tấn L, sinh ngày 30/4/2018 cho bà G nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với thực tế, đúng nguyện vọng của hai con, không trái đạo đức xã hội và đúng quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con bà G và ông C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: bà G, ông C đều khai không có nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm bằng 300.000đồng bà G phải nộp do bà có yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 sửa đổi, bổ sung năm 2010; Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: chấp nhận cho bà Mai Thị Hồng G được ly hôn với ông Nguyễn Phước C.

2. Về con chung: giao Nguyễn Thị Kiều V, sinh ngày 12/02/2010 và Nguyễn Tấn L, sinh ngày 30/4/2018 cho bà Mai Thị Hồng G nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Ông bà có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Miễn xét.

4. Về án phí HNST: bằng 300.000đồng bà Mai Thị Hồng G phải nộp do bà có yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp trước đây là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 302245 ngày 05/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Như vậy, bà G đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Báo cho bà G được biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 11/5/2026. Báo cho ông C biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định pháp luật.

“Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 9, Điều 7, Điều 7a, 7b Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM./ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS KV5-An Giang;
- THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Danh Thị Kiều Oanh